

Speed Cards

Position	Country	Name	Category	ID	Raw Score (round 1)	Time Secs	Points	Raw Score (round 2)	Time Secs	Points	Final
1	Mongolia	Myanganbayar Gantulga (IMM)	Adult	A052	52	21.533	722	52	20.588	747	747
2	Mongolia	Erdenegerel Ganzorig	Junior	J023	34	300	65	52	23.615	674	674
3	Mongolia	Naranzul Otgon-Ulaan (IGM)	Junior	J030	52	24.191	662	30	300	58	662
4	Mongolia	Maral Namsrai (IGM)	Junior	J041	52	37.905	473	52	25.449	637	637
5	Mongolia	Bilguuntugs Elbegsaikhan (IMM)	Junior	J037	52	25.508	636	52	25.575	635	636
6	China	Liwu Shen (IMM)	Adult	A046	14	300	27	52	26.727	614	614
7	India	Vishvaa Rajakumar (IMM)	Adult	A048	49	300	94	52	27.543	601	601
8	Mongolia	Irmuun Odkhuu	Junior	J027	52	29.911	565	9	300	17	565
9	Mongolia	Urlee Purevgerel	Junior	J032	52	31.277	546	9	300	17	546
10	Mongolia	Purevjav Erdenesaikhan (IGM)	Adult	A054	52	31.909	538	6	300	12	538
11	Mongolia	Ganchuluun Siilen	Kid	K047	52	33.097	523	10	300	19	523
12	Mongolia	Enkhjin Narmandakh	Junior	J040	52	33.921	514	52	35.109	501	514
13	Mongolia	Angarag Amartugs	Junior	J038	52	41.795	439	52	34.332	509	509
14	Mongolia	Ariuntungalag Suvdmaa	Junior	J022	52	35.827	493	52	35.079	501	501
15	China	Shiyu Li (IMM)	Adult	A045	34	300	65	52	35.268	499	499
16	Mongolia	Erkhzaya Zaya (IGM)	Kid	K051	52	35.605	495	0	300	0	495
17	Mongolia	Misheel Batzorig	Kid	K048	33	300	63	52	36.368	488	488
18	Mongolia	Bolormaa Chinzorigt	Junior	J034	52	36.894	482	18	300	35	482
19	Australia	Telmen Uugankhuu	Junior	J019	3	300	6	52	37.09	481	481
20	Australia	Unurbold Byambadorj	Junior	J045	52	37.575	476	48	300	92	476
21	Australia	Maral Oyunbat	Junior	J021	52	37.958	472	9	300	17	472
22	Mongolia	Gegee Enkhbold	Junior	J036	3	300	6	52	39.778	456	456
23	Mongolia	Munkh-Orgil Sunduijantsan	Kid	K052	52	39.867	455	1	300	2	455
24	Australia	Amirlangua Purevdavaa	Junior	J044	52	40.513	450	3	300	6	450
25	Mongolia	Guanaran Narmandakh	Junior	J029	52	43.238	428	52	41.052	445	445
26	Mongolia	Enkh-Ujin Otgonbileg	Junior	J024	28	300	54	52	41.51	442	442
27	Mongolia	Altantulga Erdenetungalag	Junior	J031	52	42.637	433	1	300	2	433
28	Mongolia	Sondor Ganpurev	Kid	K053	52	48.063	396	52	42.893	431	431
29	Mongolia	Nomin Norovpel (IMM)	Adult	A053	52	52.989	368	52	43.106	429	429
30	China	Sitong Yu	Kid	K043	10	300	19	52	45.321	413	413
31	Mongolia	Lkhagvadorj Batbayar (IGM)	Adult	A055	52	46.171	408	25	300	48	408
32	Mongolia	Lkhagvadorj Bayanmunkh	Kid	K046	52	57.718	345	52	59.003	339	345
33	Viet Nam	Đặng Lê Quốc Bảo	Junior	J015	52	57.918	344	52	61.876	327	344

34	Australia	Guamaral Purevdavaa	Kid	K040	8	300	15	52	58.187	343	343
35	Germany	Dr. Gunther Karsten (GMM)	Senior	S006	52	65.401	314	4	300	8	314
36	Algeria	Sarah Yasmine Hafsi	Adult	A043	28	300	54	52	65.965	312	312
37	Mongolia	Maralma Gurvan-Erdene	Kid	K056	36	300	69	52	66.923	309	309
38	Australia	Urangoo Ulambayar	Junior	J020	6	300	12	52	70.812	296	296
39	Viet Nam	Đặng Ngọc Phương Trinh	Adult	A040	52	81.96	265	9	300	17	265
40	Mongolia	Emujin Zorigtbayar	Junior	J025	5	300	10	52	95.638	236	236
41	Algeria	Leila Naziha Hafsi	Adult	A042	24	300	46	52	97.752	232	232
42	Viet Nam	Nguyễn Tân Hưng	Adult	A038	52	99.889	229	2	300	4	229
43	Korea	Sooyoung Paek	Adult	A057	52	99.906	229	11	300	21	229
44	Algeria	Meryem Yezza (IMM)	Adult	A044	52	108.097	215	52	103.417	223	223
45	Philippines	Roberto Racasa	Adult	A056	52	119.744	200	18	300	35	200
46	Viet Nam	Thân Thị Kỷ Lại	Adult	A001	52	126.12	192	9	300	17	192
47	Australia	Temuulen Ulambayar	Kid	K039	52	139.006	178	0	300	0	178
48	Viet Nam	Đặng Quang Hưng	Adult	A037	12	300	23	52	219.381	127	127
49	Russia	Alina Kuliaeva	Junior	J046	0	300	0	52	234.095	121	121
50	Viet Nam	Đào Thuận Phát	Kid	K014	0	300	0	52	240.349	118	118
51	Viet Nam	Bùi Đức Huy	Junior	J017	52	262.773	111	2	300	4	111
52	Viet Nam	Nghiêm Tuấn Nghĩa	Senior	S003	52	277.018	106	5	300	10	106
53	Viet Nam	Hồ Gia Bách	Kid	K003	52	297.878	101	52	299	100	101
54	Viet Nam	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Adult	A014	23	300	44	44	300	85	85
55	Mongolia	Enkhjin Enkhbayar	Junior	J028	4	300	8	41	300	79	79
56	Viet Nam	Trần Gia Huy	Kid	K001	40	300	77	8	300	15	77
57	Mongolia	Gegeen-Oyun Munkhbat	Junior	J042	24	300	46	39	300	75	75
58	China	Qiyu Cang	Kid	K042	39	300	75	8	300	15	75
59	Viet Nam	Nguyễn Ngọc Phương Lam	Kid	K005	35	300	67	23	300	44	67
60	Viet Nam	Hồ Nguyễn Thiên Phúc	Kid	K004	4	300	8	34	300	65	65
61	Viet Nam	Nguyễn Huyền	Adult	A019	1	300	2	30	300	58	58
62	Malaysia	Ang Mui Hoon	Adult	A051	27	300	52	0	300	0	52
63	Viet Nam	Lê Gia Bách	Junior	J012	26	300	50	0	300	0	50
64	China	Shuyuan Huang	Kid	K041	26	300	50	26	300	50	50
65	Viet Nam	Đàm Thảo Minh	Senior	S004	18	300	35	26	300	50	50
66	Viet Nam	Hoàng Thị Vân	Adult	A017	20	300	38	24	300	46	46
67	Mongolia	Anirlan Khurelchuluun	Kid	K050	24	300	46	2	300	4	46
68	Mongolia	Amina Odkhuu	Junior	J026	23	300	44	13	300	25	44
69	Viet Nam	Đặng Nguyễn Hoàng Phát	Kid	K002	19	300	37	23	300	44	44
70	Viet Nam	Phạm Ngọc Tài	Junior	J007	20	300	38	8	300	15	38

71	Viet Nam	Võ Trần Thiên Nhân	Kid	K022	20	300	38	9	300	17	38
72	Viet Nam	Nguyễn Đức Hoàng	Adult	A016	19	300	37	0	300	0	37
73	Viet Nam	Vy Thị Ngân	Adult	A032	9	300	17	19	300	37	37
74	Viet Nam	Nguyễn Tiến An	Adult	A011	18	300	35	8	300	15	35
75	Viet Nam	Huỳnh Thiện Long	Junior	J003	18	300	35	0	300	0	35
76	Viet Nam	Nguyễn Thị Vân Hà	Adult	A021	16	300	31	11	300	21	31
77	Russia	Gaiane Kuriatova	Adult	A058	16	300	31	0	300	0	31
78	Viet Nam	Vay Nguyễn Gia Thy	Junior	J010	1	300	2	16	300	31	31
79	Viet Nam	Vũ Nguyễn Sara	Junior	J011	16	300	31	4	300	8	31
80	Viet Nam	Đặng Lê Huy	Junior	J016	2	300	4	16	300	31	31
81	Viet Nam	Đinh Thị Hồng	Adult	A029	15	300	29	12	300	23	29
82	Mongolia	Selengemurun Batbayr (IMM)	Junior	J043	6	300	12	15	300	29	29
83	Viet Nam	Hoàng Thị Sen	Adult	A013	6	300	12	14	300	27	27
84	Malaysia	Lee Yi Xuen Celest	Junior	J047	14	300	27	11	300	21	27
85	Viet Nam	Lê Việt Phương	Adult	A003	0	300	0	13	300	25	25
86	Viet Nam	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	Adult	A008	13	300	25	10	300	19	25
87	Viet Nam	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	Junior	J014	13	300	25	2	300	4	25
88	Viet Nam	Chu Thanh Vân	Adult	A020	0	300	0	12	300	23	23
89	Viet Nam	Nguyễn Thị Mai Phương	Adult	A030	10	300	19	12	300	23	23
90	Viet Nam	Tăng Nữ Hoài Ngân	Junior	J001	12	300	23	2	300	4	23
91	Viet Nam	Trần Ngọc Nhân	Adult	A012	11	300	21	2	300	4	21
92	Viet Nam	Hồ Hoàng Vũ	Adult	A023	4	300	8	11	300	21	21
93	Viet Nam	Phan Thanh Trúc	Adult	A005	10	300	19	2	300	4	19
94	Viet Nam	Trần Hoàng Minh Long	Junior	J002	10	300	19	5	300	10	19
95	Viet Nam	Ngô Thành Phát	Junior	J004	1	300	2	10	300	19	19
96	Algeria	Aroua Tebbiche	Junior	J018	5	300	10	10	300	19	19
97	Mongolia	Setsen Enkhbold	Junior	J035	10	300	19	9	300	17	19
98	Viet Nam	Trần Thị Thùy Dương	Adult	A035	8	300	15	1	300	2	15
99	Viet Nam	Đặng Minh Quân	Junior	J013	8	300	15	6	300	12	15
100	Viet Nam	Phạm Vĩnh Khang	Kid	K017	0	300	0	8	300	15	15
101	Viet Nam	Khổng Gia Lâm	Kid	K036	8	300	15	0	300	0	15
102	Viet Nam	Vũ Thị Thái	Senior	S001	8	300	15	2	300	4	15
103	Viet Nam	Phan Thanh Dũng	Adult	A009	7	300	13	4	300	8	13
104	Viet Nam	Nguyễn Minh Quốc	Adult	A015	7	300	13	3	300	6	13
105	Viet Nam	Trương Vũ Luân	Adult	A039	7	300	13	5	300	10	13
106	Viet Nam	Lê Thanh Trí Đông	Kid	K016	7	300	13	3	300	6	13
107	Viet Nam	Võ Thị Thơi	Senior	S002	0	300	0	7	300	13	13

108	Viet Nam	Lê Thị Mỹ Vương	Adult	A006	5	300	10	6	300	12	12
109	Viet Nam	Lê Anh Thủy	Adult	A028	6	300	12	1	300	2	12
110	Mongolia	Suld-Erdene Badrakhbayar	Kid	K054	1	300	2	6	300	12	12
111	Viet Nam	Chu Ngọc Thắng	Adult	A010	5	300	10	2	300	4	10
112	Viet Nam	Huỳnh Thị Phương Uyên	Adult	A004	4	300	8	2	300	4	8
113	Viet Nam	Nguyễn Thanh Thuận	Adult	A018	0	300	0	4	300	8	8
114	Viet Nam	Nguyễn Văn Lực	Adult	A036	2	300	4	4	300	8	8
115	Viet Nam	Lê Mạnh Đông	Adult	A041	2	300	4	4	300	8	8
116	Viet Nam	Trần Nhật Huy	Junior	J006	4	300	8	3	300	6	8
117	Viet Nam	Nguyễn Hoàng Bách	Kid	K008	1	300	2	4	300	8	8
118	Viet Nam	Trần Việt Hùng	Kid	K023	4	300	8	0	300	0	8
119	Viet Nam	Phạm Đức Kiên	Kid	K037	0	300	0	4	300	8	8
120	Mongolia	Ankhiluun Lkhagvajav	Kid	K055	0	300	0	4	300	8	8
121	Mongolia	Siilen Uuganbayar	Junior	J039	2	300	4	2	300	4	4
122	Viet Nam	Nguyễn Đình Phúc Nguyên	Kid	K013	0	300	0	2	300	4	4
123	Mongolia	Yesukhei Enkhbayar	Kid	K049	0	300	0	2	300	4	4
124	Viet Nam	Phan Thị Xuân Hằng	Adult	A022	1	300	2	0	300	0	2
125	Viet Nam	Trần Ngọc Bảo Trân	Junior	J009	1	300	2	0	300	0	2
126	Mongolia	Azjargal Dechinravdan	Junior	J033	1	300	2	1	300	2	2
127	Viet Nam	Lê Thiên An	Kid	K028	1	300	2	1	300	2	2
128	Viet Nam	Đặng Thị Tố Quyên	Kid	K033	1	300	2	0	300	0	2
129	Mongolia	Amirlan Saruulbuyan	Kid	K057	0	300	0	1	300	2	2
130	Viet Nam	Tạ Thị Ngọc Anh	Adult	A002	0	300	0	0	300	0	0
131	Viet Nam	Nguyễn Nữ Như Quỳnh	Adult	A007	0	300	0	0	300	0	0
132	Viet Nam	Nguyễn Phước Lộc	Adult	A024	0	300	0	0	300	0	0
133	Viet Nam	Lê Thị Kim Tánh	Adult	A025	0	300	0	0	300	0	0
134	Viet Nam	Đặng Phú Gia	Adult	A026	0	300	0	0	300	0	0
135	Viet Nam	Hồ Diễm My	Adult	A027	0	300	0	0	300	0	0
136	Viet Nam	Nguyễn Thúc Anh	Adult	A031	0	300	0	0	300	0	0
137	Viet Nam	Phạm Thị Phương Trang	Adult	A033	0	300	0	0	300	0	0
138	Viet Nam	Đào Thi Châu Thành	Adult	A034	0	300	0	0	300	0	0
139	India	Neena Kalyan	Adult	A047	0	300	0	0	300	0	0
140	Italy	Enrico Marraffa	Adult	A049	0	300	0	0	300	0	0
141	Kazakhstan	Yerzhan Mynzhanov	Adult	A050	0	300	0	0	300	0	0
142	Algeria	Abdelkader Ibrahim Rassine (IMM)	Adult	A059	0	300	0	0	300	0	0
143	Viet Nam	Nguyễn An Khang	Junior	J005	0	300	0	0	300	0	0
144	Viet Nam	Thái Doãn Bách	Junior	J008	0	300	0	0	300	0	0

145	Viet Nam	Nguyễn Thái Dương	Kid	K006	0	300	0	0	300	0	0
146	Viet Nam	Lý Trần Minh Ánh	Kid	K007	0	300	0	0	300	0	0
147	Viet Nam	Nguyễn Đình Hoàng Minh	Kid	K009	0	300	0	0	300	0	0
148	Viet Nam	Vương Đình Phúc Hưng	Kid	K010	0	300	0	0	300	0	0
149	Viet Nam	Nguyễn Đình Đức Uy	Kid	K011	0	300	0	0	300	0	0
150	Viet Nam	Nguyễn Đức An Nhân	Kid	K012	0	300	0	0	300	0	0
151	Viet Nam	Le Pham Minh Hoang	Kid	K015	0	300	0	0	300	0	0
152	Viet Nam	Nguyễn Đức Tuấn	Kid	K018	0	300	0	0	300	0	0
153	Viet Nam	Ngô Đức Hùng	Kid	K019	0	300	0	0	300	0	0
154	Viet Nam	Tạ Phúc Khang	Kid	K020	0	300	0	0	300	0	0
155	Viet Nam	Võ Trần Long Nhi	Kid	K021	0	300	0	0	300	0	0
156	Viet Nam	Vũ Minh Châu	Kid	K024	0	300	0	0	300	0	0
157	Viet Nam	Trần Minh Cát Tường	Kid	K025	0	300	0	0	300	0	0
158	Viet Nam	Trần Khánh Hưng	Kid	K026	0	300	0	0	300	0	0
159	Viet Nam	Nguyễn Hồ Nhã Uyên	Kid	K027	0	300	0	0	300	0	0
160	Viet Nam	Nguyễn Phước Bảo	Kid	K029	0	300	0	0	300	0	0
161	Viet Nam	Nguyễn Huyền Ngọc	Kid	K030	0	300	0	0	300	0	0
162	Viet Nam	Lê Huỳnh Minh Khang	Kid	K031	0	300	0	0	300	0	0
163	Viet Nam	Tổng Khả Ái	Kid	K032	0	300	0	0	300	0	0
164	Viet Nam	Trần Việt Minh Anh	Kid	K034	0	300	0	0	300	0	0
165	Viet Nam	Đỗ Bội Linh	Kid	K035	0	300	0	0	300	0	0
166	Viet Nam	Giáp Minh Ngọc	Kid	K038	0	300	0	0	300	0	0
167	Czech	Lai Duc Duy Nguyen	Kid	K044	0	300	0	0	300	0	0
168	Germany	Alex Dinh	Kid	K045	0	300	0	0	300	0	0
169	America	Tom Tran	Senior	S005	0	300	0	0	300	0	0